

**B. ANSWER KEY**

**Question 1.**

- house /haʊs/ (n): ngôi nhà
- horse /hɔ:s/ (n): con ngựa
- hour /aʊər/ (n): giờ, tiếng đồng hồ
- hot /hɒt/ (adj): nóng

⇒ **Đáp án C** (“h” câm nên không được đọc; “h” trong các từ còn lại được phát âm là /h/)

**Question 2.**

- finish (v): hoàn thành, kết thúc
- open (v): mở
- look (v): nhìn
- stop (v): dừng lại

❖ **Quy tắc phát âm đuôi “ed” sau các động từ có quy tắc:**

- TH1: phát âm là /ɪd/: Khi động từ có tận cùng là phụ âm /t/ hoặc /d/

**E.g:** wanted / wɒntɪd /; needed / ni:ɪd /

- TH2: phát âm là /t/: Khi động từ tận cùng bằng phụ âm vô thanh /p/, /f/, /k/, /s/, /ʃ/, /tʃ/

**E.g:** stopped / stɒpt /; laughed / lɑ:ft /; cooked / kʊkt /; watched / wɒtʃt /

- TH3: phát âm là /d/: Khi động từ tận cùng là các nguyên âm và các phụ âm còn lại

**E.g:** played / pleɪd /; opened / əʊpənd /

⇒ **Đáp án B** (“ed” được phát âm là /d/; các từ còn lại là /t/)

**Question 3.**

- again /ə'gen/ (adv): lại
- teacher /'ti:tʃər/ (n): giáo viên

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

- happen /'hæp.ən/ (v): xảy ra
- table /'teɪbl/ (n): cái bàn

⇒ **Đáp án A** (trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai; các từ còn lại là thứ nhất)

**Question 4.**

- lazy /'leɪ.zi/ (adj): lười biếng
- begin /bɪ'ɡɪn/ (v): bắt đầu
- boring /'bɔːrɪŋ/ (adj): buồn tẻ, nhàm chán
- student /'stjuː.dənt (n): học sinh, sinh viên

⇒ **Đáp án B** (trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai; các từ còn lại là thứ nhất)

**Question 5.**

Trong câu này, ta thấy có trạng từ thời gian *at the moment* (ngay bây giờ) nên ta chia động từ *clean* ở thì hiện tại tiếp diễn.

Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn: S + is/ am/ are + V-ing + ...

The children là danh từ số nhiều + *are*

**Dịch:** Bây giờ bọn trẻ đang lau chùi cửa sổ.

⇒ **Đáp án: are cleaning**

**Question 6.**

Cấu trúc: used to + V (bare -inf)...: đã từng làm gì (thói quen ở quá khứ)

**E.g:** I used to swim here when I was young. (Tôi từng bơi ở đây khi tôi còn trẻ.)

**Dịch:** Anh ấy từng hút 10 điếu thuốc một ngày.

⇒ **Đáp án: smoke**

**Question 7.**

Cấu trúc: ask + O + to V (inf) ...: yêu cầu/ đề nghị ai làm gì đó

**Dịch:** Giáo viên chúng tôi yêu cầu chúng tôi chuẩn bị bài cẩn thận.

⇒ **Đáp án: to prepare**

**Question 8.**

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

Trong câu này, ta thấy có trạng từ thời gian *yesterday* nên ta chia động từ *go* ở thì quá khứ đơn.

Cấu trúc thì quá khứ đơn: S + V2/ed + ...

**Dịch:** Hôm qua tôi đi đến nhà hàng với anh trai.

⇒ **Đáp án: went**

**Question 9.**

Ta thấy câu phía trước *Look at those black clouds* (Nhìn vào những đám mây đen kia) => đây là bằng chứng ở hiện tại cho thấy trời sắp mưa nên ta chia động từ “rain” ở thì tương lai gần với *be going to*.

Cấu trúc: S + is/ am/ are + going to + V(inf)...

**Dịch:** Nhìn vào những đám mây đen kia kia! Trời sắp mưa rồi.

⇒ **Đáp án: is going to rain**

**Question 10.**

Ta thấy phía cuối có trạng từ *yet* nên ta chia động từ *finish* ở thì hiện tại hoàn thành. Cấu trúc thì hiện tại hoàn thành: S + have/ has + PP ...

**Dịch:** Họ chưa hoàn thành bài tập về nhà.

⇒ **Đáp án have not finished**

**Question 11.**

Đây là câu điều kiện loại 1: mệnh đề *If* ở thì hiện tại đơn; mệnh đề chính ở thì tương lai đơn.

Cấu trúc: If + S + V inf/ Vs/es ..., S + will + V (bare-inf)...

**Dịch:** Nếu thời tiết đẹp thì chúng tôi sẽ đi dã ngoại.

⇒ **Đáp án: will go**

**Question 12.**

Trong câu này, phía cuối có mốc thời gian là *over 100 years ago* nên ta chia động từ ở thì quá khứ đơn.

Tuy nhiên, chủ ngữ là *the house* nên động từ phải được chia ở dạng bị động.

**Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>**

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

Cấu trúc:

Chủ động: S + V2/ed + O

Bị động: S (O) + was/ were + PP + {by O(s)}

**Dịch:** Ngôi nhà này đã được xây cách đây hơn 100 năm rồi.

⇒ **Đáp án: was built**

**Question 13.**

Phía sau chỗ trống là danh từ *school* nên từ cần điền vào là tính từ sở hữu *his*

**Dịch:** Nam là một học sinh. Trường cậu ấy ở nông thôn.

⇒ **Đáp án: His**

**Question 14.**

*Since* và *For* là 2 giới từ được dùng trong thì hiện tại hoàn thành.

Since + mốc thời gian; For + khoảng thời gian.

Năm 2001 là mốc thời gian nên ta chọn *since*.

**Dịch:** Cô ấy là giáo viên Tiếng Anh từ năm 2001.

⇒ **Đáp án: since**

**Question 15.**

- because + mệnh đề: bởi vì.

- although + mệnh đề: mặc dù.

**Dịch:** Hôm qua Mai không đi học vì cô ấy bị ốm.

⇒ **Đáp án: because**

**Question 16.**

-fluent (adj): trôi chảy => fluently (adv): một cách trôi chảy

Cấu trúc: V + O + adv

**Dịch:** Chị tôi nói Tiếng Anh rất trôi chảy.

⇒ **Đáp án: fluently**

**Question 17.**

-celebrate (v): kỉ niệm

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luenthiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

-celebration (n): lễ kỉ niệm

Phía trước chỗ trống là tính từ *important* nên từ cần điền vào là một danh từ.

**Dịch:** Tết là ngày lễ quan trọng nhất trong nền văn hóa Việt Nam.

⇒ **Đáp án: celebration**

**Question 18.**

Who: thay thế cho chủ ngữ chỉ người trong mệnh đề quan hệ.

**E.g:** I know the man who loves you.

**Dịch:** Tên của người đàn ông mà tặng quà cho chúng ta là gì vậy?

⇒ **Đáp án: who**

**Question 19.**

- write in ink: viết bằng bút mực.

**Dịch:** Bạn nên viết bằng bút mực, không phải bút chì.

⇒ **Đáp án: in**

**Question 20.**

-unless: nếu...không, trừ phi

**Dịch:** Ngày mai tôi sẽ chơi quần vợt nếu tôi không bận.

⇒ **Đáp án: unless**

**Question 21.**

-save money: tiết kiệm tiền

⇒ **Đáp án: save**

**Question 22.**

-however (adv): tuy nhiên

⇒ **Đáp án: However**

**Question 23.**

-a quarter of + N: 1/4 ...

⇒ **Đáp án: of**

**Question 24.**

**Fanpage : <https://www.facebook.com/luenthiamax>**

- therefore (adv): vì vậy

⇒ **Đáp án: Therefore**

**Question 25.**

“washing machines and tumble dryers” (máy giặt và máy sấy)

⇒ **Đáp án: and**

**Question 26.**

-compared with: so với

**Bài Dịch:**

Ở các nước phương Tây, điện, khí đốt và nước không phải là thứ xa xỉ mà là nhu cầu cần thiết. Các công ty ngày nay nhận ra rằng người tiêu dùng muốn những sản phẩm không những hoạt động hiệu quả mà còn tiết kiệm tiền. Đối với đa số các hộ gia đình ở Bắc Mỹ, việc thấp sáng chiếm 10% đến 15% hóa đơn tiền điện. Tuy nhiên, số lượng này có thể được giảm bởi việc thay thế bóng điện tròn 100W thông thường bằng bóng tiết kiệm năng lượng. Những loại bóng điện này sử dụng 1/4 điện so với bóng tiêu chuẩn và bền gấp 8 lần. Vì vậy, người tiêu dùng có thể tiết kiệm khoảng 7 đô la đến 21 đô la trên mỗi bóng điện. Ở châu Âu, có kế hoạch dán nhãn trên các tủ lạnh, tủ đông, máy giặt và máy sấy. Nhãn hiệu báo cho người tiêu dùng biết hiệu suất tiết kiệm năng lượng là bao nhiêu khi so sánh với các thiết bị khác cùng loại.

⇒ **Đáp án: with**

**Question 27.**

Thomas Edison/ He was born on February, 11, 1847.

Dẫn chứng: Thomas Edison was born on February 11, 1847 in Milan, Ohio.

(Thomas Edison sinh vào ngày 11/2/1847 tại Milan, Ohio)

**Question 28.**

Yes, he did.

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

Dẫn chứng: Because hearing problems, Edison had difficulty in following the lessons. (Bởi vì có vấn đề về thính giác nên Edison gặp khó khăn trong việc tiếp thu bài học.)

**Question 29.**

His most famous invention was the electric light bulb.

Dẫn chứng: Edison's most famous invention was the electric light bulb. (Phát minh nổi tiếng nhất của Edison là bóng đèn điện.)

**Question 30.**

He used to work (about) 20 hours every day.

Dẫn chứng: He always worked very hard and often had only four hours of sleep every day. (Ông luôn làm việc rất chăm chỉ và thường chỉ ngủ 4 tiếng mỗi ngày.) => Ông đã làm việc 20 tiếng mỗi ngày.

**Question 31.**

-despite + N/ V-ing: mặc dù

-although + mệnh đề: mặc dù

**Dịch:** Chúng tôi đã quyết định đi dã ngoại mặc dù trời mưa rất to.

⇒ **Đáp án C (despite => although)**

**Question 32.**

-so: dùng sau một phát biểu khẳng định

-neither: dùng sau một phát biểu phủ định

So/ Neither + To be/ trợ động từ + S

Mệnh đề phía trước *and* ở thể phủ định nên ta dùng *neither*

**Dịch:** Tom không thích sầu riêng và anh trai cậu ấy cũng vậy.

⇒ **Đáp án C (so => neither)**

**Question 33.**

Mrs Nga said that she was very tired.

Cấu trúc: S + said (that) + S + V lùi thì...

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luenthiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

Trong câu này, thì hiện tại đơn (trực tiếp) => quá khứ đơn (gián tiếp); I => she

**Question 34.**

I wish I had a new computer.

Cấu trúc: S + wish (es) + s + V2/ed ... (ao ước trái với thực tế ở hiện tại)

Thực tế: Tôi không có máy tính mới. => Tôi ước có máy tính mới.

**Question 35.**

He isn't old enough to drive a car.

Cấu trúc:

-too + adj + to V (quá... đến nỗi mà không thể làm gì)

-adj + enough + (for O) + to V: đủ... để làm gì

Dịch: Anh ấy không đủ tuổi để lái ô tô.

**Question 36.**

Minh spends 2 hours doing his homework every day.

Cấu trúc:

It takes + O + time + to V (inf)... ~S + spend(s) + time + V-ing...: Ai đó mất bao nhiêu thời gian làm gì đó

Dịch: Mỗi ngày Minh dành 2 tiếng làm bài tập về nhà.

**Question 37.**

In spite of his broken leg, he managed to get out of the car.

Cấu trúc:

- In spite of/ Despite + N/V-ing: mặc dù

**Dịch:** Mặc dù bị gãy chân nhưng anh ấy vẫn cố gắng thoát ra khỏi ô tô.

**Question 38.**

My teacher suggested speaking English in class.

Cấu trúc: suggest + V-ing: đề nghị làm gì đó

**Dịch:** Giáo viên tôi đề nghị nói Tiếng Anh trong lớp.



**Question 39.**

My father used to go fishing when he was a child.

Cấu trúc:

- used to + V (bare-inf): đã từng làm gì (thói quen trong quá khứ)

**Dịch:** Bố tôi đã từng đi câu cá khi ông ấy còn là một đứa trẻ.

**Question 40.**

If Mary were to know enough about the machine, she could fix it herself.

Cấu trúc: If + S + V2/ed ..., S +could/ would + V (bare-inf)... (Câu điều kiện loại 2)

**Dịch:** Nếu Mary hiểu biết đủ về cái máy này thì cô ấy có thể tự sửa nó.